

Bản án số: 51/2021/DS-ST  
Ngày: 17/5/2021  
(V/v Tranh chấp yêu cầu thực hiện  
nghĩa vụ trả tiền)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH - TỈNH BẠC LIÊU**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**  
Các hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Thanh Tiền và bà Trần Thị Nga**  
Thư ký phiên tòa: **Ông Trương Quốc Đại** – Thư ký Tòa án nhân dân  
huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH tham gia phiên tòa: **Ông  
Trần Trung Kiên**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01  
năm 2020 về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, theo quyết  
định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020  
giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Văn Công H, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp 4, xã TP, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1969

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn VL, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang

-Bị đơn: Ông Trương B, sinh năm 1968

Địa chỉ: 5, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Tuyết L

Địa chỉ: 5, thị trấn Gành Hào, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

(Bà M có mặt tại phiên tòa, ông B và bà L vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Bà Nguyễn Tuyết M là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông  
Văn Công H trình bày: vào ngày 15/11/2016 ông Văn Công H có làm hợp đồng  
thuê ông Trương B trực vớt tàu cá biển số kiểm soát TG – 93333TS đã bị chìm  
tại đảo Sinh Tồn Đông, tọa độ 09-58, 114-33 với giá là 900.000.000 đồng, ông

H đã đưa trước cho ông B số tiền là 200.000.000 đồng, việc thuê trục vớt tàu nêu trên giữa ông H và ông B có làm hợp đồng kinh tế có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Gành Hào, hai bên thống nhất thỏa thuận ông B có trách nhiệm ra tại tọa độ nêu trên để trục vớt tàu cho ông H, nếu ông B không thực hiện được công việc thì sẽ hoàn lại tiền đặt cọc cho ông H, thời gian trục vớt là từ ngày 15/11/2016 cho đến khi trục vớt xong tàu. Tuy nhiên từ khi ông B nhận tiền tạm ứng thì ông B không thực hiện công việc theo thỏa thuận, ông H có nhiều lần liên hệ cho ông B nhưng không gặp được ông B, nên ông H không trục vớt được làm thiệt hại đến tài sản của ông H, ông H có nhiều lần đòi ông B giao trả số tiền đã tạm ứng trước đó nhưng ông B cứ hứa lần nhưng không trả cho ông H. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông B có trách nhiệm giao trả cho ông số tiền đã cho ông B tạm ứng là 200.000.000 đồng, tuy nhiên do khi giao tiền cho ông B thì không có biên nhận, nay ông B chỉ thừa nhận có nhận của ông H số tiền 190.000.000 đồng, bà yêu cầu rút lại yêu cầu số tiền 10.000.000 đồng, yêu cầu ông B giao trả cho ông H số tiền 190.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật là 0.83%/tháng, từ ngày 15/12/2016 đến ngày 15/12/2019. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

+Bị đơn ông Trương B trình bày: Vào ngày 15/11/2016 (dương lịch) ông và ông Văn Công H có ký kết hợp đồng về việc trục vớt tàu cá bị mắc cạn ở đảo Sinh Tồn Đông, ông có trách nhiệm đưa tàu cá của ông H ra khỏi nơi mắc cạn, vớt tàu nếu tàu bị vỡ.....với giá hai bên thỏa thuận là 900.000.000 đồng, ông H có đưa trước cho ông số tiền 190.000.000 đồng để làm chi phí. Khi những người làm công của ông mang tàu đến ra nơi tàu của ông H bị mắc cạn, nhưng khi đến đảo Phú Quý, Bình Thuận thì gặp tàu giữ tàu bị mắc cạn của ông H chạy về, hai bên có nói chuyện thì bên tàu của ông H không có ai chịu đi cùng những người làm công của ông ra nơi tàu bị mắc cạn, sau đó ông đi xe lên nhà ông H ở Tiền Giang thì ông H cho 01 chiếc tàu cùng với ông, 01 người bị đâm, 01 người bị đuối và 01 tài công chạy ra chiếc tàu chở dầu của ông H để lấy dầu và đưa cái củi tô cho tàu dầu ông H. Sau đó, chạy đến Bình Tuy, Bình Thuận thì gặp tàu của ông, tàu của ông H nhưng sau đó họ không chịu cùng ông ra nơi tàu bị mắc cạn, hủy hợp đồng với ông. Do đó, ông không thể ra nơi tàu ông H bị mắc cạn để trục vớt được, chi phí ông bỏ ra khoảng 300.000.000 đồng, việc bên ông H không cho người cùng ông ra nơi tàu bị mắc cạn, hủy hợp đồng với ông thì hai bên chỉ nói miệng với nhau chứ không có giấy tờ hay trình báo với chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc, thực chất ông H hợp đồng trục vớt tàu với ông chỉ là cái cớ để ông H yêu cầu bồi thường chứ không phải muốn trục vớt tàu. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông giao trả số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất trong thời hạn 03 năm, mỗi tháng 2% với số tiền 72.000.000 đồng là tôi không đồng ý, vì ông H là người tự ý hủy hợp đồng với ông, chi phí ông bỏ ra còn nhiều hơn số tiền mà ông H đưa cho ông. Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đúng theo nội dung sự việc ông đã trình bày. Bà Nguyễn Thị Tuyết L là vợ ông, nhưng công việc làm ăn thì vợ ông không biết mà chỉ lo nội trợ ở nhà, khi ông nhận tiền của ông H thì bà L cũng biết nhưng ông không có đưa cho bà L, mà ông dùng làm chi phí để đi trục vớt tàu, ông còn bị lỗ chi phí, do đó, bà L không có liên quan gì đến việc làm ăn của

ông, nên ông yêu cầu tự chịu trách nhiệm đối với việc này. Ngoài ra ông B còn có yêu cầu phải tố, ông yêu cầu ông Văn Công H giao trả cho ông số tiền 110.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng, kể từ ngày 15/12/2016 đến ngày khởi kiện là ngày 18/12/2019 là 79.200.000 đồng. Tổng cộng là 189.200.000 đồng. Đây là số tiền tôi đã bỏ ra để đi trực vớt tàu cá của ông H.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết L: Mặc dù bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà L vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với bà L theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là bà Nguyễn Tuyết M, là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trương B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết L chưa chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu số tiền 10.000.000 đồng.

Buộc ông Trương B và bà Nguyễn Thị Tuyết L cùng có nghĩa vụ trả cho ông Văn Công H số tiền 190.000.000 đồng và số tiền lãi là 26.754.500 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của ông Văn Công H đối với ông Trương B với số tiền 30.017.500 đồng.

Đình chỉ trả đơn yêu cầu phản tố của ông Trương B đối với ông Văn Công H và hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông B và bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông H đối với ông B về việc tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền; Bị đơn ông Trương B có hộ khẩu thường trú tại huyện ĐH, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH.

Ông Trương B và bà Nguyễn Thị Tuyết L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông B và bà L vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông B và bà L.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc giao dịch trực vớt tàu cá bị mắc cạn tại đảo Sinh Tồn Đông thuộc quần đảo Trường Sa giữa ông H và ông B là hoàn toàn có xảy ra trên thực tế. Điều này đã được các đương sự thống nhất thừa nhận trong quá trình tố tụng. Căn cứ khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật, các đương sự không cần phải có nghĩa vụ chứng minh.

Bà M xác định ông H xác định đưa trước cho ông B là 200.000.000 đồng để làm chi phí đi trực vớt tàu cho ông H như đã thỏa thuận, tuy nhiên do ông B không thực hiện việc trực vớt tàu cho ông H. Do đó, ông H yêu cầu ông B có nghĩa vụ giao trả số tiền này cho ông H. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của ông Văn Công H yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 10.000.000 đồng. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền yêu cầu rút lại này.

Đối với số tiền 190.000.000 đồng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử ông B thừa nhận có ký hợp đồng trực vớt tàu với ông H, ông có nhận của ông H số tiền là 190.000.000 đồng. Khi nhận tiền xong thì ông có cho người và phương tiện để đi đến nơi tàu ông H bị mắc cạn. Tuy nhiên, do trong quá trình đi ông H không hỗ trợ cho ông để cũng đi đến nơi tàu mắc cạn, nên ông không thể đi đến nơi tài để mắc cạn được, số tiền ông H đưa ông đã dùng để mua lương thực, dầu, mua dụng cụ trực vớt và mướn nhân công hiện không còn. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử ông B không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh ông có đi đến nơi để trực vớt tàu cho ông H, cũng như không có tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh ông đã sử dụng số tiền ông H đưa để làm chi phí đi trực vớt tàu. Phía ông H có cung cấp các tài liệu chứng cứ của Lữ Đoàn 146 đảo Sinh Tồn Đông thuộc quần đảo Trường Sa về việc tàu ông bị mắc cạn, do không trực vớt đúng thời hạn nên tàu đã bị chìm, hư hỏng. Do đó, có cơ sở xác định do ông B không thực hiện đúng công việc như thỏa thuận tại hợp đồng trực vớt tàu ngày 15/11/2016, nên ông H yêu cầu giao trả số tiền 190.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ của số tiền 190.000.000 đồng từ tháng 15/12/2016 đến ngày 15/12/2019, xét thấy ông B có nhận tiền của ông H nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền ông H đã giao cho ông B. Mức lãi suất của số tiền nêu trên được tính theo Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, tức là 0.83%/tháng, lãi suất được tính từ ngày 15/12/2016 đến ngày 15/12/2019 là 36 tháng, được tính bằng:  $190.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 36 \text{ tháng} = 56.772.000 \text{ đồng}$ .

Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông H không cung cấp được các tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh

việc ông H có yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông H vào thời gian nào. Do đó, không có cơ sở xem xét lãi suất chậm trả từ ngày 15/12/2016 đến ngày 15/12/2019, chỉ có căn cứ xem xét thời hạn chậm trả là từ ngày khởi kiện là 18/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 17/5/2021. Mức lãi suất của số tiền nêu trên được tính theo bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, tức là 0.83%/tháng, lãi suất được tính từ ngày 18/12/2019 đến ngày 17/5/2021 là 16 tháng, được tính bằng:  $190.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 16 \text{ tháng} = 26.754.500 \text{ đồng}$ .

Đối với yêu cầu bà L cùng có nghĩa vụ trả tiền cho ông H: Hội đồng xét xử xét thấy ông B xác định việc làm ăn của ông không có liên quan đến vợ ông là bà L, tuy nhiên ông B thừa nhận khi ông H đưa tiền cho ông B thì bà L có biết, mặc khác ông B cũng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là bà L không biết số nợ này, xét thấy số nợ này phát sinh trong thời gian ông B và bà L chung sống. Do đó để đảm bảo cho việc thi hành án nên cần buộc bà L cùng có trách nhiệm với ông B trả nợ cho ông H là có căn cứ.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Trương B đối với ông H với số tiền là 110.000.000 đồng, ông B xác định đây là số tiền ông đã dùng làm chi phí cho việc đi trực vớt tàu cho ông H. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử cho đến nay ông B không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của ông. Mặc khác, việc ông đưa ra yêu cầu phản tố sau khi Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông B không có quyền yêu cầu phản tố đối với ông H trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử đình tra đơn khởi kiện cho ông B.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Văn Công H phải chịu số tiền 1.500.000 đồng, ông Văn Công H đã tạm dự nộp số tiền tạm ứng án phí 6.800.000 đồng theo biên lai thu số 0004149 ngày 09/01/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện ĐH được khấu trừ, hoàn lại cho ông Văn Công H số tiền 5.300.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Trương B và bà Nguyễn Thị Tuyết L phải nộp 10.837.700 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH.

Hoàn lại cho ông Trương B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.730.000 đồng theo biên lai thu số 0007814 ngày 10/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH.

Quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, khoản 3 Điều 200, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 280 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1/. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Văn Công H đối với ông Trương B về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền với số tiền 10.000.000 đồng.

2/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Văn Công H đối với ông Trương B về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Buộc ông Trương B và bà Nguyễn Thị Tuyết L cùng có nghĩa vụ trả cho ông Văn Công H số tiền là 216.754.500 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ Luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Văn Công H đối với ông Trương B về việc tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ với số tiền 30.017.500 đồng.

4/. Đình chỉ trả đơn yêu cầu phản tố của ông Trương B đối với ông Văn Công H về việc yêu cầu giao trả số tiền 110.000.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Trương B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.730.000 đồng theo biên lai thu số 0007814 ngày 10/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH.

5/. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Văn Công H phải chịu số tiền 1.500.000 đồng, ông Văn Công H đã tạm dự nộp số tiền tạm ứng án phí 6.800.000 đồng theo biên lai thu số 0004149 ngày 09/01/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện DH được khấu trừ, hoàn lại cho ông Văn Công H số tiền 5.300.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Trương B và bà Nguyễn Thị Tuyết L phải nộp 10.837.700 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho ông Văn Công H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Ông Trương B và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện ĐH
- Chi cục THADS huyện ĐH
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**Trương Hồng Diễm**

